| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC LINH**<br>TỈNH BÌNH THUẬN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST<br>Ngày 10-4-2025<br>V/v Tranh chấp ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

2. Ông Lê Hoàng Phúc

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2025/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Như Q, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Số T, đường số N, tổ B, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Số B, đường V, khu phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị Q, anh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Như Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh Nguyễn Đình Th tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn anh chị sống chung tại khu phố C, thị trấn Đ, huyện Đ. Trong quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên cờ bạc, gây nợ, từ chuyện đó vợ chồng cãi nhau thì anh T đánh đập chị Q. Chị Q đã nhiều lần nói chuyện nhưng anh T không từ bỏ những

thói xấu đó mà ngày càng tệ hơn. Vì vậy, từ tháng 01/2025, chị Q cùng con về nhà cha mẹ ruột tại tổ B, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm nhau và không cùng nhau chăm sóc con chung.

Nay, chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đình Th.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lê Minh Th1, sinh ngày 08/01/2023. Hiện tại cháu Th1 đang do chị Q nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Q yêu cầu Tòa án giao cho chị được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Lê Minh Th1, lý do vì cháu Th1 là con gái, lại còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Chị Q kinh doanh quán ăn tại nhà nên có thời gian để chăm sóc con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu anh Nguyễn Đình Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng; cấp dưỡng sau khi có bản án hoặc quyết định có hiệu lực của Tòa án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 26/3/2025, bị đơn anh Nguyễn Đình Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Lê Thị Như Q có thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vào năm 2023, anh T chơi cờ bạc gây ra khoản nợ nhưng anh T đã trả hết nợ, đến năm 2025 xảy ra nhiều bất đồng cãi vả, nguyên nhân là vợ chồng còn trẻ chưa suy nghĩ thấu đáo. Có lần vợ chồng cãi nhau to tiếng nên anh T có đánh chị Q và anh T đã xin lỗi chị Q. Vợ chồng ly thân không còn chung sống với nhau từ ngày 15/01/2025 đến nay.

Nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Như Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lê Minh Th1, sinh ngày 08/01/2023. Hiện nay cháu Th1 đang do chị Q nuôi dưỡng. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh T, chị Q ly hôn thì anh T đồng ý giao cháu Nguyễn Lê Minh Th1 cho chị Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng; cấp dưỡng sau khi có bản án hoặc quyết định có hiệu lực của Tòa án.

Nghề nghiệp hiện tại của anh T là làm lao động tự do; thu nhập mỗi tháng khoản 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 19/3/2025, Tòa án xác minh với mẹ ruột của anh Nguyễn Đình Th là bà Mai Thị V về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa chị Lê Thị Như Q, anh Nguyễn Đình Th và được cung cấp: Anh T, chị Q sau khi kết hôn sinh sống cùng nhà với bà V nhưng sau 02 tháng thì chuyển ra

ngoài sinh sống gần nhà bà V. Hai vợ chồng còn trẻ nên thường xuyên có mâu thuẫn, cãi vả, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, anh T có chơi cờ bạc gây ra một số khoản nợ nhưng hiện nay đã trả hết, anh T đã tu chí làm ăn. Có lúc vợ chồng cãi nhau, chị Q nói nặng lời nên anh T tức giận đã đánh chị Q. Vợ chồng anh chị có 01 con chung sinh năm 2023, hiện nay con chung đang sống cùng chị Q. Anh T làm phụ hồ, thu nhập không ổn định.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2022, chị Q, anh T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Q, anh T đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng có mâu thuẫn trong cuộc sống, anh chị đã không còn sống chung từ tháng 01/2025 đến nay, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lê Minh Th1, sinh ngày 08/01/2023. Hiện tại cháu Th1 đang sinh sống cùng chị Q. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Q và anh T ly hôn thì anh chị đều đồng ý giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Q; tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Như Q và anh Nguyễn Đình Th tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 219 ngày 16 tháng 11 năm 2022, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của chị Q, anh T, cuộc sống vợ chồng đã có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, từ tháng 01/2025, chị Q cùng con về nhà cha mẹ ruột tại tổ B, thôn B, xã Đ,

huyện Đ, tỉnh Bình Thuận sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm nhau và không cùng nhau chăm sóc con chung. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh T đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh T là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lê Minh Th1, sinh ngày 08/01/2023. Xét thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Hiện nay, cháu Nguyễn Lê Minh Th1 đang sinh sống cùng chị Q. Nhận thấy, cháu Th1 là con gái, lại còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ. Theo trình bày của anh T, trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh T, chị Q ly hôn thì anh T đồng ý giao cháu Nguyễn Lê Minh Th1 cho chị Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Nhận thấy, yêu cầu của chị Q về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Minh Th1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lê Minh Th1 số tiền 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng sau khi có bản án hoặc quyết định có hiệu lực của Tòa án cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi, anh T đồng ý với yêu cầu này. Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là việc gắn kết trách nhiệm và nghĩa vụ của anh T đối với con, vì vậy, yêu cầu của chị Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của chị Lê Thị Như Q đối với anh Nguyễn Đình Th. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Như Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Đình Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Như Q đối với anh Nguyễn Đình Th về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Như Q được ly hôn với anh Nguyễn Đình Th.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Như Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Lê Minh Th1, sinh ngày 08/01/2023.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đình Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho chị Lê Thị Như Q với số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng, bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Lê Thị Như Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Đình Th không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì anh Nguyễn Đình Th còn phải thanh toán cho chị Lê Thị Như Q tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, chị Lê Thị Như Q và anh Nguyễn Đình Th đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Q nuôi con thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Như Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005218 ngày 21/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Lê Thị Như Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Đình Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;

- Lưu: VT, HS.

**Phan Thị Mỹ Dung**